

## VỀ MỘT SỐ BIỂU TRÚNG VĂN HÓA TRONG ĐỜI SỐNG TÍNH THẦN NGƯỜI M'NÔNG

TRƯỜNG THÔNG TUẤN\*

### Đặt vấn đề

Trong công cuộc đổi mới chung của đất nước, khi đời sống kinh tế - văn hóa xã hội của các dân tộc anh em trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam ngày càng được nâng cao thì vấn đề bản sắc văn hóa dân tộc trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng, Nhà nước và nhân dân, đồng thời cũng là tâm điểm chú ý của các nhà nghiên cứu. Mối quan hệ giữa văn hóa và văn học - bình diện văn hóa của văn học, vì thế cũng được đặc biệt chú trọng. Bởi, văn học và văn hóa có một mối quan hệ không thể tách rời và không thể hiểu đúng văn học nếu không tìm hiểu bình diện văn hóa của nó.

Bài này góp phần tìm hiểu mối quan hệ đa chiều giữa văn học, mà cụ thể là văn học dân gian M'ng (VHDGMn) với truyền thống văn hóa dân tộc M'ng, thực chất là đi tìm những biểu trưng văn hóa tính thần cổ truyền được kết tinh trong các hình tượng nghệ thuật của VHDGMn. Dĩ nhiên trong khi chú ý tới các biểu trưng văn hóa trong hình tượng nghệ thuật, chúng tôi sẽ không coi nhẹ yếu tố tư tưởng, lịch sử, xã hội trong nội dung hình tượng, có điều các biểu trưng văn hóa sẽ được chú ý nhiều hơn.

Để xác lập và phân tích các biểu trưng văn hóa trong các hình tượng nghệ thuật, chúng tôi tiến hành khảo sát nhiều tác phẩm VHDGMn, chú ý đến các yếu tố lặp đi lặp lại trong quá trình tạo lập hình tượng nghệ thuật. Từ đó, bài viết khái quát, nâng lên thành một số các biểu trưng văn hóa cơ bản và phân tích cội nguồn, nội hàm văn hóa của nó.

Có thể khẳng định, hình tượng dân tộc chiếm một vị trí quan trọng, trung tâm trong nền VHDGMn. Đó là những bài thơ, những bản trường ca, lời nói vần, những câu chuyện nói về dân tộc, về tổ tiên ông bà, về những con sông, dòng suối, ngọn núi, cánh rừng, về dân bon, về người mẹ, người cha, người anh hùng, về lịch sử, về truyền thuyết... Cộng đồng dân tộc không chỉ là không gian cư trú, làm ăn sinh sống

---

\* Thạc sĩ, Sở Văn hóa Thông tin DakNng.

mà còn là truyền thống văn hóa lịch sử, tình cảm thiêng liêng, và là tất cả những gì thân thuộc tạo thành cuộc sống M'ông.

### 1. Biểu trưng về bon làng và những biểu trưng liên quan đến bon làng

Bon (đơn vị hành chính tương đương với làng của người Việt) của người M'ông thường được thành lập trên những vùng chân núi, gần sông, suối, đầm, hồ để tiện sử dụng nguồn nước cho sinh hoạt hằng ngày. Mỗi bon đều có bến nước ăn, có nghĩa địa và có một phạm vi đất đai canh tác chung và một phạm vi rừng già nhất định để săn bắt chung. Thường mỗi bon bao gồm trên dưới mười dòng họ và quy tụ chừng sáu mươi nóc nhà dài. Người đứng đầu bon được gọi là *Kroanh bon* điều hành những công việc chung của bon. Mọi sinh hoạt từ kinh tế, văn hóa xã hội đến đời sống tín ngưỡng, lễ hội đều tuân thủ theo luật tục mang tính tự quản điều hành và có tính cộng đồng rất cao, gắn bó chặt chẽ với bon.

Bon là nơi bắt đầu và cũng là nơi kết thúc của vòng đời con người. Vì thế, từ lâu bon đã trở thành một biểu tượng đặc biệt về cội nguồn con người và dân tộc mà dân bon ai cũng hướng về nó như một ám ảnh sâu đậm trong tâm hồn người M'ông. Rồi từ đó, nó có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt trong đời sống văn hóa tinh thần của con người. Do vậy, đề cập tới bon là người M'ông nghĩ ngay đến những cảnh sắc, sự vật, sự việc thân quen, dân dã như: *cây đa, bến nước, con sông, dòng suối, ngọn núi, cánh rừng, cái nương, cái rẫy, tiếng cồng, tiếng chiêng, cái bầu, cái chà gạo, các nghi lễ, lễ hội và phong tục tập quán, v.v...* tất cả tạo thành rất nhiều hằng số văn hóa của bon. VHDGMn, đặc biệt là trường ca đã làm phong phú bức tranh bon của người M'ông bằng nhiều hình ảnh, hình tượng vừa cụ thể, sinh động của đời sống thực, vừa lãng mạn siêu phàm của đời sống siêu thực. Các chất liệu văn học này làm cho VHDGMn nhập vào nguồn mạch của truyền thống văn hóa dân tộc, biểu hiện tấm lòng chân thực, mộc mạc, thiết tha, gắn bó của con người với bon.

Bon trong VHDGMn được miêu tả là một bức tranh mang đặc trưng nông thôn miền sơn cước, có nhiều đồi núi lượn sóng nối tiếp nhau, nhiều ao hồ, sông suối, thác ghềnh, có mây luôn bao phủ với thời tiết nắng lắm, mưa nhiều, có nhiều chim muông, thú vật, v.v... tất cả tạo thành một quần thể động thực vật vô cùng phong phú, đa dạng và hấp dẫn con người. Giữa khung cảnh thiên nhiên ấy, bon làng hiện ra trong sử thi là cuộc sống lao động khẩn trương, sôi nổi, giàu có và hạnh phúc của cộng đồng: "*một trăm con gái dệt vải trong nhà, một trăm con trai ngồi đan ngoài sân*", "*Bắn bò rừng chết thành đồng, bắn nai chết cả một bầy, những miếng da chát thành đồng, những sừng nai đã đầy mấy bờ*". Đó cũng là cuộc sống có "*gạo thơm, vải đẹp đầy nhà*", cuộc sống có "*trăm trâu, nghìn bò, trăm voi, trăm ché*". Trong sử thi M'ông, bon còn hiện ra cảnh ăn uống, cảnh đánh cồng chiêng nhộn nhịp, vui tươi. Người ta "*uống rượu không sót một nắng, đánh chiêng không sót một ngày*". Một cuộc

sống hạnh phúc, no đủ, dồi dào: “*bon Tiăng ăn uống suốt ngày, bon Tiăng giết thịt suốt năm*”. Như vậy, với tư cách là một đối tượng được phản ánh, hơn thế nữa còn là một thực thể vốn là nguồn gốc cho mọi sự cộng hưởng giữa chủ thể và khách thể, *bon* trong tâm thức người M’ông là một biểu tượng cho sự hài hòa giữa con người với con người và giữa con người với thiên nhiên.

Ngoài ra, *bon* hiện lên trong VHDGMn còn được cảm nhận và miêu tả trong dáng vẻ của *bon* nông nghiệp nương rẫy với một phương thức sản xuất dùng sức người là chính. Trong luật tục M’ông có hàng loạt hình ảnh lặp đi, lặp lại nhiều lần như: *rẫy mới, rẫy cũ, hạt lúa, cái kho lúa, cái gậy chọc lỗ, cái chà gạo, cái cón niếc, cái gùi, cái cuốc, cái rìu, cái chò, quả dưa, quả bắp, cây lúa, v.v ...* cho thấy một nền nông nghiệp nương rẫy với dụng cụ sản xuất thô sơ. Nhờ vào hệ thống các hình ảnh, hình tượng phong phú này mà luật tục trình bày đầy đủ nội dung phong tục tập quán, những quy định chung đối với *bon* làng và cá nhân. Chẳng hạn, để giáo dục con cháu, luật tục so sánh bằng những hình ảnh tượng trưng như sau: “*Cha mẹ như cái rẫy mới. Ông bà như cái rẫy cũ. Mẹ công mới còn, cha công mới còn. Mẹ nuôi từ nhỏ, cha nuôi đến lớn. Cha mẹ sống lâu đã gần bằng thần, ông bà sống lâu đã gần bằng tổ tiên.*” *Rẫy mới* là đất canh tác phát ra từ rừng già; *rẫy cũ* là đất canh tác liếp theo mùa trước trên đất rừng tái sinh, con người sống nhờ vào rẫy. Câu nói vẫn so sánh hình ảnh “*Cha mẹ như cái rẫy mới, ông bà như cái rẫy cũ*” này thường lặp đi, lặp lại trong văn ngôn của luật tục và đã trở thành hình tượng độc đáo của VHDGMn, là biểu tượng về *bon* làng nông nghiệp nương rẫy và con người M’ông cổ truyền. Quả nhiên, đằng sau sự so sánh độc đáo này là cả một sự tri nhận thiên nhiên, nhân hóa thiên nhiên mà phải xuất phát từ sự ngưỡng vọng nó mới có được.

VHDGMn miêu tả *bon* làng còn là trung tâm gắn với hệ thống lễ hội và đời sống tín ngưỡng dân gian vô cùng phong phú, đa dạng. Theo quan niệm tín ngưỡng cổ truyền của người M’ông thì thế giới được miêu tả có ba tầng: *tầng trời, tầng đất và tầng âm phủ*. Ba tầng của thế giới có mối liên hệ mật thiết và có thể giao lưu với nhau. Mỗi tầng có các vị thần trú ngụ cai quản. Vì thế trong sử thi, thần xuất hiện rất phong phú như: *thần đất, thần sông, thần núi, thần suối, thần lửa, thần nước, thần lúa, thần chiêng, thần nêu, v.v...* mỗi vị thần vừa có khả năng siêu phàm khác người, vừa có khả năng như con người. Con người và thần linh có thể quen biết nhau, có quan hệ mật thiết với nhau. Mặt khác, trong đời sống *bon* làng của người M’ông còn có một hệ thống nghi lễ và lễ hội phong phú. Tiêu biểu là: lễ hội đâm trâu, lễ hội cầu mùa và lễ hội cầu sức khỏe. Các lễ hội này được miêu tả khá rõ nét trong sử thi và biểu hiện những nét văn hóa độc đáo khác nhau. Lễ hội đâm trâu là lễ hội con người giết vật để hiến tế, tạ ơn thần linh, để được tổ chức vui chơi, giải trí và cũng khẳng định uy tín, danh vọng của gia đình chủ lễ và của cả *bon* làng. Những năm được mùa, lúa chất đầy kho, đồng bào phải chém trâu để cúng mừng *thần lúa*. Trong *Ot ndrông* (sử

thì) có nhiều cảnh nói về lễ hội đâm trâu từ việc chặt cây gạo chôn ở nơi buộc trâu để đâm, đến các động tác đâm trâu, từ việc lấy huyết trâu hòa vào chén rượu để phết lên người, lên vật, rồi xẻ thịt và đem “chia không thiếu một nhà”, v.v... đều được kể ra như chúng vẫn diễn ra trong thực tế.

Trường ca “*Cây nêu thần*” miêu tả bon *Tiăng* làm lễ đâm trâu đã nhiều lần, danh tiếng đã nhiều, bon *Kon Kop* cũng giàu có, người tài giỏi cũng chẳng thiếu, nhưng chưa có lễ đâm trâu nào thật xứng đáng. Họ muốn noi gương bon *Tiăng*, nhờ chàng *Lêng* có tiếng làm cây nêu rất giỏi đến giúp đỡ để làm lễ đâm trâu cho xứng đáng với bon *Tiăng* giàu có. Trong trường ca “*Cây nêu thần*”, hình tượng cây nêu hiện ra cao vút, tỏa sáng đất trời, hoa văn đẹp không còn chỗ chệch, khắc đủ loại hình: hình con tép, con tôm, con cua đang bò; hình con chim đang hót, con diều, con rìng, con ong đang làm tổ; hình con người biết mở mắt, biết hút thuốc lá, đang ăn cơm; có cả hình quả cà, quả đậu to bằng cái gùi, cái nia, v.v... Gió thổi nhẹ làm rung cành nêu vang lên một âm thanh rất hay, người ta gọi là nhạc nêu. Hình tượng cây nêu là một biểu tượng văn hóa. Nó tượng trưng cho lối sống, suy nghĩ và ước mơ của con người về một xã hội giàu có. Đồng thời cây nêu trang trí càng đẹp thì thần linh mới vui vẻ và phù hộ cho con người.

Cùng với việc miêu tả bon làng trong không khí lễ hội là những cảm nhận và miêu tả về bon làng trong chiến đấu. Đây cũng là một mô típ nghệ thuật khá phổ biến trong VHDGMn. Nguyên nhân chính dẫn đến bon làng có chiến tranh là: xâm phạm lãnh địa người khác, nghi oan cho nhau là ma lai, chiếm đoạt phụ nữ, v.v... Các cuộc giao chiến ở đây là phản ứng rất tự nhiên của con người: có người gây tai họa là có người trả thù. Một vùng đất của cộng đồng bị xâm phạm trái phép, một thành viên của cộng đồng bị cưỡng đoạt, lăng nhục, một giá trị của cái của gia đình trong cộng đồng bị chiếm đoạt là cả cộng đồng hợp sức đi giành lại, trả thù. Khi thắng trận, bên chiến thắng triệt hạ bon làng bên bại trận, song người ta không giết phụ nữ và trẻ em. Giao tranh giữa các bon làng là muốn duy trì các tập tục trong cộng đồng, duy trì lẽ phải, sự công bằng. Các gia tộc sẽ hòa thuận với nhau một khi các bên đều thực hiện tập tục chung của cộng đồng. Sự tích “*Cây nêu thần*” kể về chuyện đánh nhau giữa các bon làng như sau: làng *Ting Mbong con Kop* cũng giàu, nhưng muốn sang trọng nên nhờ em *Lêng*, người làng *Tiăng* dựng giúp cây nêu trong lễ ăn trâu. Vì ghen tức, làng thứ ba là bon *Ting, Mbong con Kler* sang thổi ngải làm hại cả làng *Tiăng con Kop*, đồng thời cướp vợ của *Tiăng*, *Yang* (con của *Tiăng*). Tức giận, làng *Tiăng* và *Ting, Mbong con Kop* hợp lực đánh lại, giành lại cây nêu và các nàng *Djăn* (vợ *Tiăng*) và *Bing* (vợ *Yang*).

Tóm lại, bon được miêu tả trong VHDGMn là bức tranh về cảnh sắc thiên nhiên, về lễ hội và về chiến đấu được cảm nhận, miêu tả trực tiếp, cụ thể hay tưởng tượng thì thông qua các hình ảnh biểu trưng của nó chứng tỏ cuộc sống sinh hoạt ở

bon là rất bền bỉ, lâu đời và được hình thành trên cơ sở của nền sản xuất nông nghiệp nương rẫy, phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên. Đồng thời cũng quán xuyên một tinh thần nhân văn sâu sắc của người M'Nông đối với bon - quê hương của mình. Sự cảm thụ và miêu tả bon như thế thực chất là sự biểu hiện sâu sắc nhất hình ảnh dân tộc trong chiều sâu tâm thức của người M'Nông.

## 2. Những biểu trưng khái quát về dân tộc

Trong xã hội cổ truyền của người M'Nông, bon làng thường có quan hệ độc lập, tuy nhiên ở giai đoạn phát triển cao hơn thì một số bon thường liên kết với nhau để trở thành cộng đồng dân tộc. Cộng đồng dân tộc là sự mở rộng địa bàn cư trú và liên kết giữa các bon làng với nhau. Biểu trưng bon làng dù gần gũi, tha thiết thế nào vẫn không thể tiêu biểu đầy đủ cho hình tượng cộng đồng dân tộc. Vì vậy để miêu tả hình tượng này, VHDGMn còn sáng tạo các biểu trưng khác có sức khái quát cao hơn như: *đất, trời, rừng, núi, sông suối, ao hồ, hòn đá*, v.v... Đây vốn là những biểu trưng về vũ trụ nhưng đi vào các tác phẩm VHDGMn nó được miêu tả là những vị thần của cộng đồng dân tộc. Luật tục M'Nông quy định: "*đất đai, rừng rú là của tổ tiên, ông bà để lại cho con cháu*". Con cháu phải là người kế thừa không được đổi bán, người làm hoen ố hay bán đổi đất đai, rừng núi là có tội với dân tộc và thần linh. *Đất đai, rừng núi* nằm trong khu vực của bon làng của cộng đồng dân tộc trước hết là sở hữu của các vị thần linh sau đó là sở hữu của tập thể nhân dân. Cũng chính vì thế mà trong sử thi tất cả các nghi lễ liên quan đến cộng đồng dân tộc thường bao giờ cũng được người cúng vái các vị thần linh cai quản trong phạm vi cộng đồng dân tộc để chứng giám, đó là các vị thần: *thần rừng, thần núi, thần suối, thần đá*, v.v... Đây là những hình tượng thần linh biểu trưng cho linh hồn cộng đồng dân tộc. Sau đó, người cúng tiếp tục mới vái đến các vị thần ngự trị của bon làng, chẳng hạn: *thần Lết, thần Mai, thần Grông, thần Grăng, thần Ôt Ang, thần Tu Rmut, thần Nkur Klot*, v.v... biểu trưng cho cộng đồng bon làng.

Ngoài ra, trong đời sống văn hóa tinh thần cũng như trong VHDGMn, chiêng có ý nghĩa biểu trưng với nhiều khía cạnh văn hóa khác nhau. Đối với người M'Nông, chiêng là vật thiêng, của quý của ông bà, tổ tiên để lại mà con cháu phải có trách nhiệm giữ gìn bảo vệ nó; chiêng quan trọng tựa như đất và rừng đối với con người. Nó luôn luôn xuất hiện đầy đủ trong các lễ hội của cộng đồng bon làng và của từng cá nhân gia đình. Bởi vì, tiếng chiêng có chức năng giao hòa giữa thần linh - con người - thiên nhiên và giữa con người với con người. Người M'Nông bao giờ cũng có một tâm thức coi quý cái chiêng và coi trọng thần chiêng, nó đã đi vào mọi ngõ ngách đời sống tâm hồn của cộng đồng dân tộc M'Nông. Từ lâu, chiêng là biểu tượng linh hồn của các dân tộc Tây Nguyên nói chung và dân tộc M'Nông nói riêng.

Như vậy, sự cảm nhận và miêu tả hình tượng *dân tộc* của VHDGMn trong cái nhìn sinh thái - nhân văn với các *biểu trưng về bon* và những *biểu trưng khái quát về dân tộc* mà chúng tôi nêu ra ở trên đã cho thấy rõ quan niệm truyền thống của người M'Nông về *dân tộc*. Mỗi *dân tộc* ở mỗi thời kỳ và trình độ khác nhau có cách nhìn và quan niệm khác nhau về làng quê, về đất nước và *dân tộc* của mình. Đối với người M'Nông, trong nền văn học dân gian của mình thường sáng tạo các hình ảnh, hình tượng, biểu trưng có tính chất cụ thể hơn là trừu tượng để nói về bon làng và *dân tộc* của mình. Với người M'Nông các hình ảnh biểu trưng càng cụ thể chi tiết bao nhiêu thì càng hấp dẫn bấy nhiêu và càng nói lên ý nghĩa chân thành sâu sắc bấy nhiêu, đây là một quan niệm truyền thống về hình tượng văn chương của người M'Nông.

### 3. Biểu trưng về nguồn gốc nòi giống

Hình tượng *dân tộc* trong VHDGMn được cảm nhận và miêu tả ở nhiều góc độ, nhưng nổi bật vẫn là hình tượng *dân tộc* trong chiều sâu văn hóa - lịch sử. VHDGMn có nhiều câu chuyện có ý nghĩa biểu trưng về nguồn gốc *dân tộc*. Sử thi “*Bông, Rong và Tiăng*” nói về cuộc hành trình đầy gian khổ để khai thiên lập địa của hai nhân vật *Bông* và *Rong*, tác phẩm thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên, mở rộng địa bàn cư trú của người M'Nông. Chúng ta được biết điều ấy còn qua những nguồn sử liệu về quá trình du canh, du cư vào thời *thái cổ* và *thượng cổ* của tộc người M'Nông trên cao nguyên M'Nông. Người M'Nông tôn trọng *Bông* và *Rong* nên gọi là *Mẹ Bông, Mẹ Rong*, đây là những hình tượng có ý nghĩa biểu trưng việc kiến tạo nên đất nước và *dân tộc* mình. Tiếp nối sự nghiệp của *Mẹ Bông* và *Mẹ Rong*, *Tiăng* là người anh hùng văn hóa có công khai sáng cho cộng đồng M'Nông. *Tiăng* là con của thần linh có tâm vóc và kích thước ngoại cỡ, có sức mạnh phi thường, là người “*thông thái*”, cứu nguy cho con người, dạy cho cộng đồng văn minh, thoát khỏi thời kỳ mông muội, dã man, tiến tới “*ngưỡng cửa của thời đại văn minh*” (Ăng ghen). Với việc làm như thế, *Mẹ Bông, Mẹ Rong* và *Tiăng* là những biểu trưng văn hóa về nguồn gốc *dân tộc* M'Nông.

Trong số các câu chuyện nói về nguồn gốc *dân tộc* M'Nông còn có sự tích “*Quả bầu*”. Quả bầu trôi trên suối được hai vợ chồng nọ vớt lên đem về nhà sau đó nở ra em bé gái tên là *H'Nông*. Em càng lớn càng xinh đẹp và đi lấy chồng. Vợ chồng phát cây rừng trồng lúa, chăm chỉ làm ăn, rồi những đứa con của họ lần lượt ra đời, lớn lên, lấy vợ gả chồng, sinh con đẻ cái ngày càng đông đúc. Dần dần, nơi vợ chồng bà *H'Nông* sống phát triển thành bon làng và phân tán đi lập nhiều bon khác. Sau này con cháu bà *H'Nông* xem bà là người khai sinh ra *dân tộc* mình. Con suối, nơi quả bầu trôi được con cháu đặt tên là *Dak Buk Nong* – nghĩa là suối quả bầu – ngày nay là suối *Dak Nong*. Và cũng để nhớ lại nguồn gốc tổ tiên, ông bà, con cháu bà *H'Nông* cũng gọi *dân tộc* mình là *dân tộc Bu Nong*, nghĩa là người sinh ra quả bầu. Đối với người M'Nông, hình ảnh quả bầu từ lâu đã trở thành biểu tượng quen thuộc

trong đời sống tinh thần của người M'ông, tượng trưng cho nguồn gốc của các nhóm dân tộc M'ông hiện nay. Ngoài ra, hình tượng quả bầu còn đi vào các tác phẩm văn học dân gian khác tượng trưng cho phẩm chất cao quý, đẹp đẽ của con người và dân tộc M'ông.

Trong nhân dân còn lưu truyền một truyền thuyết khác đề cập tới sự hình thành các tộc người M'ông như sau: xưa kia, sau khi người M'ông ra khỏi hang đất *Trom You* (tiếng M'ông có nghĩa là hang cổ) ở dãy núi *Nâm Lia*, người M'ông cư trú tại *Leng Tun* (thác *Tun*, hồ *Nao Tról*). Khi đó người M'ông chưa phân thành nhiều nhóm như ngày nay. Một hôm người M'ông đi trên một chiếc bè kết bằng cây le. Đi trên thác *Tun*, bè bị vỡ. Mọi người trên bè ngã xuống nước, mỗi người bơi về mỗi phía. Từ đó, mỗi người nói một thứ tiếng, hình thành các nhóm địa phương khác nhau như ngày nay, đó là: Nhóm *Preh* ở *Đăk Mâm* và vùng ngoại vi *Buôn Ma Thuột*, nhóm *Nong*, *Prâng*, *Bunar* ở huyện *Đăk Nông*, nhóm *Kuênh* ở huyện *Krông Bông* (*DakLăk*), nhóm *Rolâm* ở ven hồ *Lăk*, nhóm *Car* ở triền núi phía nam sông *Krông Ana*, nhóm *Chil* ở vùng đông nam khu vực cư trú của nhóm *Car*, nhóm *Biăt* và *Bu đâng* ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia.

Một truyền thuyết khác cũng kể rằng, trước đây người M'ông ở dưới một hang đất. Một lần có hai người tên là *Bung* và *Kroong* đi theo con trút (loài thú giống con chuột chuyên đào hang sâu dưới đất) mới ra được bên ngoài. Khi ra ngoài hai ông mang theo bảy con giun, một gùi đất, một gùi hạt giống. Hai ông để đất và giun lên một cái nia. Giun ăn nhả ra đất làm trái đất ngày càng lớn. Mặt đất cần cỗi chỉ có đất, đá và cát. Trên đá chỉ có một loại cây sống được. Đó là cây *puh*, *ngâm*. Ông *Bung* và ông *Kroong* rắc hạt giống lên mặt đất. Sau đó có hai chị em tên là *Broi*, *Brai* cũng từ dưới hang chui lên. Từ đó, bốn người chung sống tạo nên con người trên mặt đất. Con cái họ sinh ra tiếp tục đảm nhận các công việc của cha mẹ. Ông *Bông* làm ra các giống cây, giống thú và đặt ra các kiêng cử, ông *Ciăng* gieo hạt trồng cây, ông *Dai* làm ra con người bằng cách lấy đất nặn ra hình người, rồi bắt một con bướm đậu lên nắm đất đó. Từ đó, con người tiếp tục xuất hiện: ông *Jut* sinh ra cái đùi, ông *Du* sinh ra từ háng, ông *Ciang*, ông *Tang* ra đời từ bắp tay, hai nàng *Pung*, *Nga* ra đời từ hai bên hông... Một lần, hai ông *Bung* và *Kroong* thấy buồn, mời những người dưới đất lên cùng uống rượu cho vui. Chum rượu to, uống xong mọi người đều say mê, lú cả lưỡi, nói thành một thứ tiếng khác. Các nhóm người với những nhóm ngôn ngữ khác nhau bắt đầu từ đây.

Trong sử thi "*Mùa rẫy bon Tiăng*" hiện lên hình tượng nhân vật *Lêng*, một con người có sức mạnh của thần linh đã lên đến tận "hang gió bão" để hỏi thần Gió về thần ác đã gây ra thiên tai làm cho dân làng của *bon Tiăng* lâm vào cảnh nghèo đói. *Lêng* giết chết các thần ác đem lúa gạo, hạt giống về cứu giúp dân làng. *Lêng* là một

hình tượng biểu trưng cho sức mạnh và khát vọng vươn lên không ngừng của người M'ông.

Rõ ràng là, từ cái nhìn văn hóa - lịch sử, VHDGMn đã thể hiện cộng đồng dân tộc mình trong chiều sâu của thời gian và lịch sử nội giống, trong cổ xưa của của văn hóa, phong tục và trong sâu xa của tâm hồn, tính cách con người M'ông... Ở đây, chưa trình bày được nhiều các biểu trưng văn hóa - lịch sử của dân tộc qua VHDGMn, nhưng cũng có thể giúp người đọc cảm nhận khái quát về một dân tộc với những yếu tố văn hóa - lịch sử đáng tự hào của người M'ông.

#### 4. Biểu trưng về dân làng

Một phương diện quan trọng trong sự thể hiện hình tượng dân tộc của VHDGMn còn là việc xây dựng các biểu trưng về tập thể dân làng, thủ lĩnh đầu làng và người anh hùng dân tộc. Trong xã hội M'ông truyền thống, luật tục khẳng định đất đai, rừng núi, sông suối trước hết là sở hữu của các vị thần linh, sau đó quy định: "*Rừng là của chung, đất là của chung, suối là của chung*" chứ không phải của riêng thủ lĩnh đầu làng hay của một già làng nào. Rõ ràng tư tưởng bon làng là của dân làng, dân tộc là của dân làng là một tư tưởng dân chủ có tính truyền thống của người M'ông. Vì vậy hình tượng dân tộc trong VHDGMn không thể thiếu hình tượng dân làng, người thủ lĩnh đầu làng và người anh hùng dân tộc. Họ hiện ra trong tác phẩm là nhân vật trung tâm và trở thành mô típ nhân vật phổ biến trong các tác phẩm VHDGMn.

##### 4.1. Biểu trưng về tập thể dân làng

Dân làng khi đi vào tác phẩm sử thi được miêu tả trước hết là tập thể những người lao động rất giỏi, có tinh thần đoàn kết trong quá trình lao động, họ làm được nhiều việc quan trọng để cho đời sống ngày càng phát triển. Công việc chính của người đàn ông là làm rẫy, đan lát, rèn đúc, chặt cây, tham gia chiến đấu khi có chiến tranh; còn đàn bà thì gĩa gạo, bổ củi, nấu cơm, bắt cá, kéo sợi dệt vải, v.v... Nổi bật lên trên tập thể những con người lao động ấy là những người thường có sức khỏe cường tráng, lao động như thần, tiêu biểu hơn cả là: ông *Phang*, chàng *Yang*, các nàng *Binh*, *Ving*, *Djăn*, *Dje*, *Kông*, *Glơng*... Đó là những người "*chăm làm như heo ủi đất*"

Đó còn là những con người có ý thức đoàn kết cộng đồng, có tinh thần và ý chí tự chủ rất cao. Luật tục phản ánh mối quan hệ những người chung một làng như sau: sẵn sàng giúp nhau trong công việc nương rẫy, giúp nhau khi thiếu lúa, thiếu muối; cùng nhau đi săn, chết chôn giúp nhau, ai sai trái thì bảo ban nhau làm hòa với nhau... Trong sử thi thì đó là những con người đoàn kết một lòng quyết tâm cùng với người thủ lĩnh đánh giặc đến cùng để bảo vệ bon làng của mình.



#### 4.2. Biểu trưng về thủ lĩnh đầu làng

Đứng đầu bon là chủ bon, người có uy tín am hiểu phong tục, tập quán của dân tộc mình. Đó là người có kinh nghiệm sản xuất, có khả năng điều khiển công việc của bon, đứng cầm mưu trí trong chiến đấu. Chủ bon đảm trách nhiều công việc, theo dõi việc giữ gìn địa giới của làng, chủ trì các nghi lễ tôn giáo và lễ hội tập thể, đôn đốc việc bảo vệ làng, hướng dẫn mùa vụ sản xuất, vận động giúp đỡ nhau trong làng, cố vấn cho những cuộc hôn nhân theo phong tục, chủ trì những việc xét xử những vụ vi phạm luật tục, làm trọng tài dàn xếp xích mích trong nội bộ của bon. Như vậy chủ làng là người quán xuyến mọi mặt đời sống của dân làng từ đối nội tới đối ngoại. Trong luật tục hình ảnh thủ lĩnh đầu làng thường được so sánh vừa như *cây đa*, vừa như *người mẹ, người cha* biết thương con cái. *Cây đa, người cha, người mẹ* là hình ảnh biểu trưng người thủ lĩnh đầu làng.

#### 4.3. Biểu trưng về người anh hùng dân tộc

Người anh hùng dân tộc là hình tượng nghệ thuật tiêu biểu nhất mà VHĐGMn chủ yếu là ở sử thi đã tập trung ca ngợi. Nếu như người Êđê tự hào về anh hùng của dân tộc mình là *Dam San* thì người M'ông cũng rất tự hào về *Lêng*. Hình ảnh nhân vật *Lêng* hiện ra trong sử thi M'ông là một anh hùng dân tộc, biểu tượng cho sức mạnh, lòng dũng cảm và khát vọng vươn lên không ngừng của người M'ông.

Chàng *Lêng* cũng như những nhân vật sử thi khác đều mang bản chất "*nửa người nửa thần*". *Lêng* dù còn nhỏ, còn bú vú mẹ, còn được ẵm bế... mà đã làm nên những việc phi thường: đánh một lần cả sáu chiếc chiêng, đã chém được con trâu hung dữ, làm được cây nêu đẹp ngoài sức tưởng tượng của mọi người... đem lại niềm vui và tự hào cho dân làng. Sau đó nhờ thần giúp đỡ thổi ngải vào người, *Lêng* lớn lên có sức mạnh phi thường, chiến đấu tài giỏi như thần, giành lại chiến thắng cho dân làng. Trong chiến trận, *Lêng* hiện ra là một thiên thần đầy dũng khí. *Lêng* đã từng nhiều lần đẩy khiên, đánh khiên, đánh gươm với thần *Jung*. Tiếng khiên, tiếng gươm vang đến tận trời xanh mà hai bên vẫn không phân thắng bại. Kẻ thù là *Kra con Sre* tuy rất tự tin về sức mạnh của mình, nhưng khi trông thấy *Lêng*, *Kra* phải khiếp sợ, đành phải liều mạng mà giao chiến với *Lêng*. Sức mạnh của chàng *Lêng* làm cho con người kinh ngạc đã đành mà còn khiến cho các vị thần linh phải cũng phải kiêng nể.

Ngoài *Lêng*, trong sử thi còn có những tên tuổi anh hùng khác như *Mbông, Năng*... gắn liền với đời sống tinh thần của người M'ông. Họ trở thành mẫu người anh hùng lý tưởng mà từ lâu mọi người M'ông luôn luôn khao khát vươn đến và cũng từ đó mà hình thành tính cách truyền thống anh hùng của dân tộc M'ông.

5. Tìm hiểu mối quan hệ giữa truyền thống văn hóa dân tộc M'ông với VHĐGMn qua hệ thống các biểu trưng nghệ thuật cho phép chúng ta nhận thấy sự

ảnh hưởng to lớn của truyền thống văn hóa dân tộc đối với văn học. Các hình tượng nghệ thuật cơ bản trong VHDGMn (hình tượng bon làng; hình tượng dân tộc; hình tượng già làng, người thủ lĩnh đầu làng và hình tượng người anh hùng dân tộc) đều có cội nguồn sâu xa từ đời sống kinh tế và truyền thống văn hóa của người M'ông. Đồng thời sự biểu hiện văn hóa về các hình tượng nghệ thuật cho thấy các hình ảnh biểu trưng đã tồn tại lâu dài, bền vững trong tâm hồn, tính cách của người M'ông, đã chi phối mạnh mẽ đến quá trình sáng tạo VHDGMn và người M'ông rất nhạy cảm với những truyền thống văn hóa của dân tộc mình.

Tiếp cận nghiên cứu về những biểu trưng văn hóa trong đời sống tinh thần của người M'ông cổ truyền còn cho phép chúng ta cảm nhận được tính đa dạng và sự lặp lại có biến đổi của những biểu trưng, biểu tượng, mô típ nghệ thuật về bon làng, dân tộc, về người anh hùng trong lịch sử văn hóa và văn học dân tộc M'ông. Cách tiếp cận của chúng tôi còn hé mở nhiều điều kỳ thú. Đó là, góp phần soi sáng và khẳng định thêm cho những kết luận của các nhà sử học, dân tộc học, xã hội học, văn hóa học... về bản sắc dân tộc M'ông từ phương diện văn học. Nó còn bổ sung cho những kết luận về quan niệm con người và thế giới trong các tài liệu khác nghiên cứu về dân tộc M'ông trên cao nguyên M'ông.

Công việc nghiên cứu truyền thống văn hóa dân tộc trong một số hình tượng nghệ thuật cơ bản của VHDGMn để nhận thấy bản sắc dân tộc trong nền văn học này khách quan mà nhận xét rằng cũng mới được bắt đầu. Hy vọng bài viết nhỏ này, góp thêm một tiếng nói liên ngành mà lâu nay do nhiều lý do khách quan chưa được đề cập đến.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đặng Nghiêm Vạn... (2002), *Tổng tập Văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam (4tập)*, NXB Đà Nẵng.
- [2]. Đặng Văn Lung... (1999), *Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa Dân tộc.
- [3]. Đỗ Hồng Kỳ... (1997), *Sử thi thần thoại M'ông*, NXB Văn hoá Dân tộc.
- [4]. Trương Bi... (2003), *Văn học dân gian Ê đê-M'ông*, Sở Văn hoá Thông tin Đắk Lắk.
- [5]. Phan Đăng Nhật... (1998), *Sử thi Tây Nguyên*, NXB Khoa học Xã hội-Hà Nội.
- [6]. Tô Đông Hải (2003), *Nghi lễ và âm nhạc trong nghi lễ của người M'ông (Bu Nong)*, NXB Văn hóa Dân tộc.
- [7]. Tấn Vĩnh... (1994), *Cây nêu thần- Trường ca M'ông*, Sở Văn hóa Thông tin Đắk Lắk.

- [8]. (1999), *Trung Trung bộ và Tây Nguyên đặc sắc liên vùng văn hóa*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [9]. (1995), *Nếp sống phong tục Tây Nguyên*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [10]. Đỗ Hồng Kỳ (2001), *Những khía cạnh văn hóa dân gian*, NXB Văn hóa Dân tộc.
- [11]. Ngô Văn Lê... (1997), *Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, NXB Giáo dục.
- [12]. Nguyễn Đăng Mạnh... (1997), *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB GD.
- [13]. Ngô Đức Thịnh... (1998), *Luật tục M'ông*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [14]. Ngô Đức Thịnh... (2000), *Luật tục và phát triển nông thôn hiện nay ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.
- [15]. Đặng Nghiêm Vạn... (2002), *Tổng tập văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam (4 tập)*, NXB Đà Nẵng.
- [16]. Trần Trí Dõi (1999), *Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*.
- [17]. Đỗ Hồng Kỳ (2001), *Những khía cạnh văn hóa dân gian M'ông*, NXB VHDT.
- [18]. Lò Ngân Sơn (2001), *Thơ của các nhà thơ dân tộc thiểu số*, NXB Văn hóa Dân tộc.
- [19]. Đào Thân (1998), *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, NXB KHXH.
- [20]. Bùi Khánh Thế... (1995), *Tiếng M'ông - ngữ pháp ứng dụng*, Trường ĐHTH TP Hồ Chí Minh.
- [21]. Lê Mai (1975), *Trường ca Tây Nguyên*, NXB GD Hà Nội.
- [22]. Phan Thị Đào (2001), *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam*, NXB Thuận Hóa.
- [23]. Viện nghiên cứu Khoa học pháp lý (1997), *Chuyên đề về luật tục*, Thông tin khoa học pháp lý.
- [24]. Trường ĐHTH TP Hồ Chí Minh (1994), *Từ điển M'ông - Việt*.